

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HN&GD-ST

Ngày: 25/7/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Hoàng Phúc
2. Ông Nguyễn Văn Thiện.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tô Văn Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

**- Đại diện VKS nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Tốt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 451/2021/TLST-HN&GD, ngày 24 tháng 12 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2022/QĐXXST-HN&GD, ngày 28 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 69/2022/QĐST-HN&GD, ngày 08/7/2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị PTTY, sinh năm: 1990 – Vắng mặt, có lý do;

Địa chỉ: Số X, đường NT, tổ Y, khu phố Z, thị trấn ĐT, huyện DL, tỉnh BT.

*2. Bị đơn:* Anh NQB, sinh năm: 1988 - Vắng mặt không có lý do;

Địa chỉ: Số X, đường F, thôn Y, xã DH, huyện DL, tỉnh BT.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” lập ngày 17/12/2021, cùng các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn – chị PTTY trình bày:

**Về hôn nhân:** Chị và anh NQB đã kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung trong gia đình. Anh chị đã ly thân từ tháng 1 năm 2020 đến tháng 12 năm 2021 mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau. Chị nhận thấy mâu thuẫn giữa chị và anh B thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn được. Anh chị không còn tình cảm yêu thương, quý trọng nhau nên chị đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện ĐL giải quyết ly hôn cho chị và anh B.

**Về con chung:** Trong thời gian chung sống với nhau, chị và anh B có 02 người con chung tên là NPKA, sinh năm 2015 và NPKD, sinh năm 2020. Hiện nay 02 người con chung đang sống với mẹ tại số X, đường NT, tổ Y, khu phố Z, thị trấn ĐT, huyện ĐL, tỉnh BT. Khi ly hôn chị yêu cầu được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 người con chung và không yêu cầu cấp dưỡng từ anh B.

**Về tài sản chung và nợ chung:** Chị không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 28/4/2022, chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định. Nhưng anh B vẫn cố tình không chấp hành, không hợp tác. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh đối với cha ruột của anh là ông NC ở tại số X, đường F, tổ Y, thôn Z, xã ĐH, huyện ĐL, tỉnh BT để xác định nhân thân, tình trạng hôn nhân ... của anh cũng như để anh có đủ thông tin, tham gia tố tụng bảo đảm quyền lợi cho mình. Nhưng anh vẫn không tham gia.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện

đúng, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về giải quyết vụ án: Xét thấy, chị Y không còn tình cảm vợ chồng với anh B, hai người đã sống riêng. Mục đích hôn nhân không đạt được, chị Y yêu cầu ly hôn nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn.

Về con chung: Vì anh B không có ý kiến gì về việc nuôi con. Hiện tại 02 người con chung đang ở với mẹ, chị Y tự nguyện tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung nên giao cháu A và cháu D cho chị Y nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy chị Y không có yêu cầu về cấp dưỡng nên không giải quyết trong bản án này.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cũng không xem xét đến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” lập ngày 17/12/2021, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn, bị đơn có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện ĐL, tỉnh BT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐL theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa chị Y vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Còn anh NQB mặc dù đã được Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh B đều vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, anh B là trường hợp được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2. Do đó, căn cứ vào quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[4] Về hôn nhân: Chị PTTY và anh NQB có thời gian tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH. Giấy chứng nhận kết hôn số: 41/2012, quyền số 01/2012, đăng ký ngày

25/9/2012. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, sau ngày cưới, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay. Trong quá trình tố tụng, Tòa án cũng đã tổ chức nhiều phiên hòa giải, nhằm hàn gắn cho anh chị về sống đoàn tụ với nhau, nhưng anh B không tham gia, kết quả hòa giải không thành. Chị Y xác định không còn tình cảm yêu thương gì với anh B nữa, chị nhất định yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị Y với anh B đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cho nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Y là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị Y yêu cầu giải quyết cho chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên NPKA, sinh năm 2015 và NPKD, sinh năm 2020 Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị Y là yêu cầu hoàn toàn chính đáng, không trái với quy định của pháp luật. Hiện cháu A và cháu D đang sống với chị Y ổn định và tuổi còn rất nhỏ, cháu đang ở độ tuổi cần sự chăm sóc chu đáo của người mẹ. Do vậy, thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Y là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL tại phiên tòa.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị PTTY không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị PTTY không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến trong bản án này.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Y là người phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[9] Về áp dụng án lệ: Vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị PTTY và anh NQB là vụ án Hôn nhân và Gia đình. Theo đơn khởi kiện của chị Y thì Tòa án xem xét giải quyết quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định của luật Hôn nhân và Gia đình. Nghiên cứu tất cả án lệ do Tòa án nhân dân tối cao công bố, không có vụ án nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì

vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

[10] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### ***Tuyên xử.***

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị PTTY.

1. Về hôn nhân: Chị PTTY ly hôn anh NQB.

2. Về con chung: Giao cho chị PTTY trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung có tên:

- NPKA, sinh ngày 05/11/2015;

- NPKD, sinh ngày 23/11/2020.

Anh NQB có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị PTTY có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh B.

Chị PTTY trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh NQB trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị PTTY phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số:

0009040, ngày 24/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐL. Chị Y đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**5.** Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. (đã giải thích).

**6.** Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *Cơ quan thi hành án cùng cấp;*
- *UBND xã Đức Hạnh;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Đức**

Xong- xem lại điều luật

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**



